

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2018/DS – ST

Ngày: 22/08/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Quyên

Bà Vũ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 08 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 07 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/QĐST-DS ngày 26 tháng 07 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ: 266-268 đường N, Phường A, Quận B, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê N K- sinh năm 1987 (*vắng mặt*) là người đại diện theo ủy quyền (theo các Giấy ủy quyền số 2300/2017/QUQ-PL&TT ngày 04/8/2017 và Giấy ủy quyền số 1281/2017/UQ-TTT ngày 10/11/2017)

2. Bị đơn: Ông Lương Thành N– sinh năm: 1986 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: 824/17A đường S, Phường D, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Lê N K trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng S) cho ông Lương Thành N vay tiền theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/09/2016 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Hạn mức sử dụng thẻ là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S.

Sau khi được cấp thẻ ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.518.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông N không trả đủ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo các điều khoản đã cam kết tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng mặc dù ngân hàng đã thông báo nhiều lần. Dư nợ tính đến ngày 25/09/2017 là:

- Nợ gốc: 20.841.683 đồng

- Tiền lãi: 3.315.940 đồng

Tổng cộng là: 24.157.623 đồng.

Ngân hàng S yêu cầu ông N phải trả ngay toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 25/09/2017 là 24.157.623 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/9/2017 cho đến ngày trả hết nợ theo qui định của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/09/2016.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ bị đơn là ông Lương Thành N đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

*** Tại phiên tòa:**

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 31.573.678 đồng (gồm nợ gốc là 20.841.683 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 10.731.995 đồng), tiền lãi còn tiếp tục tính từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng S, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định:

Ngân hàng S và ông Lương Thành N có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo (ông N ký và Ngân hàng S xác nhận ngày 14/9/2016). Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch thẻ với số tiền là 30.518.000 đồng nhưng sau đó chỉ thanh toán được 14.680.000 đồng. Kể từ tháng 03/2017, do ông N ngưng không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng S nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo, đồng thời căn cứ chi tiết giao dịch và thanh toán nợ thẻ hiện tại bản Tóm tắt sao kê ngày 21/8/2017 thì tính đến ngày xét xử ông N còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền là 31.573.678 đồng (gồm nợ gốc là 20.841.683 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 10.731.995 đồng).

Xét thấy, ông N đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng S cấp để thanh toán tiêu dùng cá nhân với số tiền 30.518.000 đồng nhưng không thanh toán hết số nợ và các khoản phí, lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, gây thiệt hại cho Ngân hàng nên cần buộc ông N có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền lãi vay và các tiền phí đã được nguyên đơn tính đúng theo thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ tính đến ngày xét xử và toàn bộ tiền lãi phát sinh tiếp tục tính đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Lương Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng S là 1.578.683 đồng. Trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1.1. Ông Lương Thành N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa ông Lương Thành N và Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng do ông N ký và Ngân hàng Thương mại cổ phần S xác nhận ngày 14/9/2016 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo) số tiền là 31.573.678 đồng (ba mươi một triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng) (gồm nợ gốc là 20.841.683 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 10.731.995 đồng).

1.2. Việc thanh toán tiền được thực hiện một lần tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.578.683 đồng (một triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng) do ông Lương Thành N chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 603.940 đồng (sáu trăm lẻ ba nghìn, chín trăm bốn mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0040096 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S, ông Lương Thành N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP-VKSNDTP;
- VSKND Quận 10;
- Chi cục THA Dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Huyền